

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 250 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 3 năm 2017

UBND HUYỆN ĐỨC CỎ

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN Số: 126 Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020
Ngày: 27/3/2017 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 47/TTr-SNN ngày 20/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí).

Bộ tiêu chí là căn cứ để rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn mới, mức độ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí và xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch thực hiện hàng năm, trung hạn 5 năm trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; là cơ sở để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và xét khen thưởng trong phong trào thi đua “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai

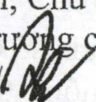
thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 để chỉ đạo, xử lý.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo quy định tại Quyết định này.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định tại Quyết định này; chỉ đạo tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm theo đúng quy định.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Quy định nội dung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Khi Trung ương điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí thì những tiêu chí tương ứng trong Quyết định này được áp dụng theo quy định mới của Trung ương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐTW các Chương trình MTQG (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới TW;
- Các Thành viên BCĐ các CT MTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNXD, NC, KGXH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017-2020

THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I ^(*) , II ^(**)	Xã khu vực III ^(***)
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ⁽¹⁾ được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%	
		2.2. Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng được cứng hóa ⁽²⁾ , đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa ⁽³⁾	Đạt 100%, Trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	

(***) : Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(**) : Xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định.

(*) : Xã khu vực I là các xã còn lại.

(Xã khu vực I, II, III được quy định cụ thể tại Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020).

⁽¹⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

⁽²⁾ Cứng hóa là: là đường được trải bằng một trong những loại vật liệu như: bê tông nhựa; đá dăm, cấp phối đá dăm láng nhựa; bê tông xi măng; đá dăm, cấp phối đá dăm, đá thải, đá chẻ, gạch lát, gạch vỡ, cuội sỏi, cát sỏi.

⁽³⁾ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Là đường đảm bảo cho xe ô tô (2,5 tấn), xe máy, xe thô sơ qua lại thuận lợi, không bị ùn tắc.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I ^(*) , II ^(**)	Xã khu vực III ^(***)
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên ⁽⁴⁾	Đạt	
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥98%	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥70%	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	I. Nhà văn hóa - khu thể thao thôn hoặc liên thôn	
			1. Diện tích đất quy hoạch:	

⁽⁴⁾ Quy định nội dung 3.1 của Tiêu chí thủy lợi:

- Đối với xã có công trình thủy lợi:
- + Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trong khu tưới của công trình thủy lợi, được tưới, tiêu chủ động đạt từ 80% năng lực thiết kế trở lên.
- + Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp không nằm trong khu tưới của công trình thủy lợi, mà sử dụng nguồn nước khác (nhân dân tự đào giếng, khoan giếng, đào ao trữ nước, sông, suối tự nhiên, nước trời ...) nhưng vẫn đảm bảo sản xuất phù hợp với điều kiện đất đai, loại cây trồng với tỷ lệ diện tích được tưới đạt từ 80% trở lên.
- Đối với xã không thể xây dựng công trình thủy lợi nhưng vẫn đảm bảo sản xuất phù hợp với điều kiện đất đai, loại cây trồng (nhân dân tự đào giếng, khoan giếng, đào ao trữ nước, sông, suối tự nhiên, ...) với tỷ lệ diện tích được tưới đạt từ 80% trở lên.
- Đối với xã có đất nuôi trồng thủy sản, tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động đạt từ 80% trở lên.



Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
		Xã khu vực I ^(*) , II ^(**)	Xã khu vực III ^(***)
		1.1. Nhà văn hóa xã:	
		Từ 200 m ² trở lên.	Từ 100 m ² trở lên.
		1.2. Khu thể thao:	
		Từ 300m ² trở lên	Từ 200m ² trở lên
		1.3. Có 100% thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, trong đó 50% trở lên nhà văn hóa thôn đạt tiêu chí theo quy định.	
		2. Quy mô xây dựng:	
		2.1. Nhà văn hóa:	
		Từ 80 chỗ ngồi trở lên	Từ 50 chỗ ngồi trở lên
		2.2. Sân khấu trong hội trường:	
		Từ 25m ² trở lên	Từ 15m ² trở lên
		2.3. Sân tập thể thao đơn giản: Từ 200m ² trở lên.	
		2.4. Công trình phụ trợ (nơi để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, cổng, tường rào bảo vệ): Đạt 80%	
		3. Trang thiết bị:	
		3.1. Trang bị của hội trường Nhà văn hóa: Đạt 80% (trong đó, phải có: Bộ trang âm; Bộ trang trí, khánh tiết; Bàn, ghế phục vụ sinh hoạt).	
		3.2. Dụng cụ thể thao: Một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương: Đạt 80%.	
		4. Kinh phí hoạt động thường xuyên:	
		4.1. Ngân sách địa phương hỗ trợ: 60%	
		4.2. Kinh phí do nhân dân đóng góp và xã hội hóa: 40%.	
		5. Cơ cấu tổ chức:	
		5.1. Chủ nhiệm: Trưởng thôn, Trưởng làng đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	
		5.2. Cộng tác viên: Những người hoạt động nghiệp vụ không chuyên trách đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	
		6. Kết quả thu hút nhân dân tham gia hoạt động:	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I ^(*) , II ^(**)	Xã khu vực III ^(***)
			6.1. Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên: 30% trở lên/tổng số dân	
			6.2. Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên: 15% trở lên/tổng số dân	
			6.3. Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em: 20% thời gian hoạt động	
			II. Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã:	
			1. Diện tích đất quy hoạch:	
			1.1. Hội trường Văn hóa đa năng:	
			Từ 300m ² trở lên	Từ 200m ² trở lên
			1.2. Khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động)	
			Từ 1.200m ² trở lên	Từ 500m ² trở lên
			2. Quy mô xây dựng:	
			2.1. Hội trường Văn hóa đa năng:	
			Từ 150 chỗ ngồi trở lên	Từ 100 chỗ ngồi trở lên
			2.2. Phòng chức năng Nhà văn hóa đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ hoặc tập các môn thể thao đơn giản): 04 phòng trở lên.	
			2.3. Xây dựng các công trình thể thao theo quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục thể thao và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các công trình thể dục thể thao.	
			2.4. Công trình phụ trợ trung tâm Văn hóa, thể thao (nơi để xe, khu vệ sinh, vườn hoa): Đạt 80%.	
			3. Trang thiết bị:	
			3.1. Hội trường Văn hóa đa năng có: Bàn, ghế, giá tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh: Đạt 80%.	
			3.2. Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và phù hợp với phong trào thể thao quần chúng của địa phương: Đạt 80%.	



Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
		Xã khu vực I ^(*) , II ^(**)	Xã khu vực III ^(***)
		4. Cơ cấu tổ chức: UBND huyện ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa thể thao xã (Căn cứ theo Thông tư số 12/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định mẫu tổ chức, hoạt động về tiêu chí Trung tâm Văn hóa thể thao xã).	
		4.1. Chủ nhiệm: - Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên môn văn hóa, thể dục thể thao: do Bí thư Đoàn Thanh niên xã kiêm nhiệm (nếu đủ điều kiện) hoặc do công chức văn hóa-xã hội xã phụ trách lĩnh vực văn hóa kiêm nhiệm (nếu chưa kiêm phụ trách Đài truyền thanh), trường hợp không bố trí được 02 chức danh trên để kiêm nhiệm thì bố trí một cán bộ hoạt động không chuyên trách có chuyên môn phù hợp để quản lý (với điều kiện không vượt số lượng người và kinh phí khoán quy định tại Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh). - Chủ nhiệm được hưởng phụ cấp theo quy định tại tiết 2, điểm a, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh.	
		4.2. Phó chủ nhiệm: Thực hiện kiêm nhiệm do Chủ nhiệm đề xuất và được Chủ tịch UBND xã đồng ý	
		4.3. Cộng tác viên là những người có nghiệp vụ không chuyên trách: Hoạt động thường xuyên	
		5. Kinh phí hoạt động: UBND xã đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm	
		6. Hoạt động Văn hóa văn nghệ:	
		6.1. Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị: Tối thiểu 4 cuộc/năm.	
		6.2. Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng: Tối thiểu 2 cuộc/năm.	
		6.3. Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ (như: thơ ca; bóng đá; bóng chuyền; cầu lông; võ thuật; thể thao dân tộc: Đẩy gậy, bắn nỏ, cà kheo,	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới	
			Xã khu vực I ^(*) , II ^(**)	Xã khu vực III ^(***)
			kéo co...): 03 câu lạc bộ trở lên.	
			6.4. Thư viện, phòng đọc sách, báo: Có hoạt động	
			6.5. Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc: Có hoạt động.	
			6.6. Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa: Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.	
			7. Hoạt động thể dục thể thao:	
			7.1. Thi đấu thể thao: 4 cuộc/năm.	
			7.2. Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân.	
			8. Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em:	
			Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: Đạt 20% thời gian hoạt động.	
			9. Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ	
			Chỉ đạo, hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao thôn, làng hiện có: Đạt 100%.	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ⁽⁵⁾	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	* Xã đạt chuẩn tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Xã có chợ nông thôn⁽⁶⁾ hoặc chợ liên xã. - Xã có điểm, nơi mua bán trao đổi hàng hóa⁽⁷⁾.	